

請



qǐng
(please)

你



nǐ
(you)

進來



jìn lái
(come in)

請進來。

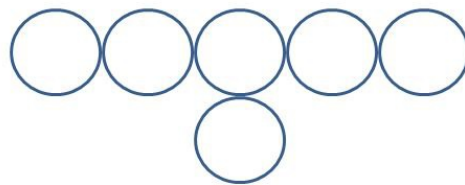
qǐng jìn lái
(Please come in.)

五



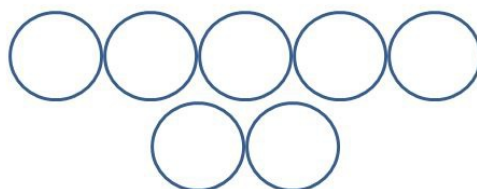
wǔ

六



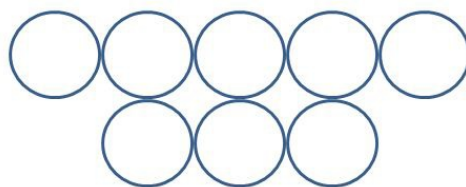
liù

七



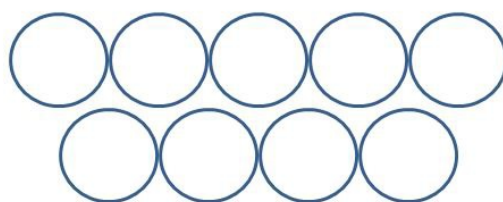
qī

八



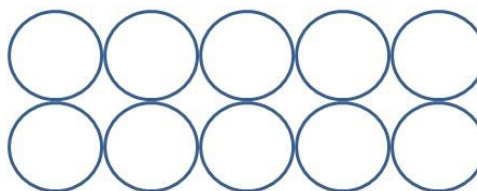
bā

九



jiǔ

十



shí